TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU
PHẬT HỌC
CƠ QUAN NGÔN LUẬN CỦA TRUNG ƯƠNG GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
ISSN: 2734-9195

Tư tưởng Phật giáo nhân sinh của Đại sư Thái Hư

ISSN: 2734-9195 12:35 10/06/2026

Để ứng phó với các thách thức thời đại, giới trí thức Phật giáo đã khởi động bước chuyển dịch hiện đại theo năm xu hướng chủ đạo: Lý tính, Nhập thế, Nhân gian, Thế giới và Học thuật hóa.

Việt dịch: **Thích Vân Phong**

Nguồn: (新禅风)www.xinchanfeng.com

Trước cuộc khủng hoảng của xã hội hiện đại và chính nội tại Phật giáo, **Đại sư Thái Hư** đã đề xuất hệ thống phán giáo mới, đồng thời khởi xướng phong trào "*Phật giáo Nhân sinh*" (人生佛教). Tư tưởng này được xây dựng trên cơ sở phán nhiếp phật pháp (còn gọi là phán giáo hay nhiếp giáo) - phương pháp phân loại, định tính và hệ thống hóa toàn bộ giáo pháp của đức Phật Thích Ca Mâu Ni nhằm giúp người tu học dễ dàng tiếp cận.

Việc nghiên cứu từ góc độ phán giáo không chỉ làm rõ nền tảng giáo lý của Đại sư, mà còn giúp hiểu sâu sắc hơn ý nghĩa thời đại của phong trào "*Phật giáo Nhân sinh*".

Giai đoạn từ cuối thời nhà Thanh đến thời Trung Hoa Dân Quốc đánh dấu bước chuyển dịch bản lề trong việc giải thể và tái cấu trúc hệ thống văn hóa - xã hội truyền thống Trung Quốc, dưới tác động từ sự giao thoa giữa Đông - Tây và Cổ - Kim. Tiến trình này phản chiếu rõ nét qua các hoạt động phán giáo của Phật giáo đương thời. Về mặt bản chất, phán giáo là công cụ phân định, lựa chọn và hệ thống hóa lại toàn bộ mạng lưới nghĩa lý phật pháp nhằm thích ứng với bối cảnh lịch sử mới.

Hoạt động phán giáo thời kỳ **Trung Hoa Dân Quốc** không thuần túy nhằm giải quyết các tranh chấp về mặt nghĩa lý, mà là hiện tượng văn hóa nảy sinh dưới tác động xã hội mang tính thời đại. Phong trào này xuất phát từ nhu cầu quán chiếu trực diện cuộc khủng hoảng kép: sự suy thoái của bối cảnh xã hội - nhân loại và sự khủng hoảng nội tại của chính đạo Phật. Bối cảnh này thúc đẩy yêu

cầu cấp bách phải canh tân Phật giáo truyền thống nhằm khôi phục sức sống cho tôn giáo, đồng thời hiện thực hóa bước chuyển dịch sang mô hình Phật giáo hiện đại.

Để ứng phó với các thách thức thời đại, giới trí thức Phật giáo đã khởi động bước chuyển dịch hiện đại theo năm xu hướng chủ đạo: Lý tính, Nhập thế, Nhân gian, Thế giới và Học thuật hóa. Tiến trình tái cấu trúc hệ thống Phật pháp được thực hiện bằng cách truy nguyên nguồn gốc tư tưởng, quay về với bản hoài cốt lõi của đức Phật. Mục tiêu là gạn lọc và xây dựng một hệ thống giáo lý mới, đủ năng lực thích ứng với thực tại đương thời. Do đó, bản chất của hoạt động phán giáo không dừng lại ở việc phân loại lý thuyết, mà là nỗ lực định hình nền tảng lý luận vững chắc cho công cuộc canh tân tôn giáo.

Hệ thống phán giáo của Đại sư Thái Hư vận động tương thích với từng giai đoạn thực tiễn của công cuộc canh tân Phật giáo. Tiến trình phát triển này nhìn chung trải qua ba bước chuyển dịch lớn.

Hệ thống phán nhiếp **phật pháp** của Đại sư Thái Hư bắt đầu hình thành trong giai đoạn 1908-1914, thời điểm ngài tập trung tham cứu Thiền tông và nghiên cứu kinh giáo. Quá trình tra cứu Đại Tạng kinh, đặc biệt là kinh Đại Bát Nhã, đã giúp ngài đạt được những bước chuyển biến lớn trong nhận thức tâm linh, từ đó dung hợp toàn bộ kiến thức giáo lý trước đó thành một hệ thống nhất quán.

Khảo sát ở giai đoạn này, Đại sư Thái Hư đưa ra nhận định tổng quát: Toàn bộ phật pháp được phân định thành hai khối chủ đạo là Tông hạ và Giáo hạ. Trong đó, Tông hạ đại diện cho phương thức rời bỏ văn tự để khế nhập trực diện vào bản tâm (tiêu biểu là Thiền tông). Ngược lại, Giáo hạ là hệ thống dựa trên ngôn ngữ, văn tự làm phương tiện để thấu hiểu và thực hành giáo pháp (bao gồm bốn môn: Giảng, Luật, Tịnh và Giáo). Nhìn chung, hệ thống kiến giải giai đoạn đầu mang tính kế thừa các bậc tiền nhân, chưa tách rời hoàn toàn khỏi mô hình phán nhiếp của Phật giáo truyền thống.

Từ năm 1915, sau những trở ngại trong giai đoạn đầu thực hiện cải cách Phật giáo, Đại sư Thái Hư quyết định nhập thất ba năm tại Phổ Đà Sơn (tỉnh Chiết Giang). Trong tác phẩm "*Phật Pháp Đạo Ngôn*" (佛法導言) viết vào thời kỳ này, ngài chính thức luận giải nguyên tắc phán giáo "*nhiếp Tiểu quy Đại*" (thâu nhiếp Tiểu thừa về với Đại thừa), đồng thời khẳng định tông chỉ căn bản của đạo Phật nằm ở hệ tư tưởng Phật giáo Đại thừa.

Theo Đại sư Thái Hư, **Phật giáo Tiểu thừa** lấy việc liễu thoát sinh tử làm nhân, ly tham ái làm gốc và diệt tận làm cứu cánh; trong khi Phật giáo Đại thừa vận hành dựa trên việc phát Bồ đề tâm làm nhân, đại từ bi làm gốc và phương tiện

làm cứu cánh. Do đó, Tiểu thừa đóng vai trò là phương tiện hành động của Đại thừa. Việc quy nạp giáo pháp tu trì của Tiểu thừa về Đại thừa giúp người học trực tiếp đạt đến sự giác ngộ cốt lõi.

Trên phương diện hệ thống hóa tông phái, dù Phật giáo Bắc truyền tại vùng đất Hán từng được phân chia thành 11 tông, Đại sư Thái Hư đã tối ưu hóa thông qua việc quy tông Niết Bàn vào Pháp Hoa, phái Địa Luận vào Hoa Nghiêm, và tông Nhiếp Luận vào Duy Thức. Tiến trình này giúp định hình mô hình "*Đại thừa Bát tông*" (tám tông phái Đại thừa), bám sát đặc trưng hoằng pháp hơn hai thiên niên kỷ tại Hán địa. Điểm nương tựa cụ thể của sự truyền thừa này chính là tám tông phái từng phát triển hưng thịnh vào thời Tùy Đường (581-907).

Xét mối quan hệ giữa tám tông phái Phật giáo Đại thừa (gồm: Thiền, Tịnh Độ, Mật, Luật, Pháp Tướng, Tam Luận, Thiên Thai và Hoa Nghiêm), Đại sư Thái Hư đề xuất hệ quy chiếu dựa trên ba phạm trù nền tảng: Cảnh, Hành và Quả. Bộ khung này khái quát toàn bộ cấu trúc Phật pháp từ lý thuyết, phương pháp thực hành cho đến mục tiêu chứng ngộ cuối cùng. Qua lăng kính này, ngài khẳng định tám tông phái đều bình đẳng về mặt "*Cảnh*" (bản thể) và "*Quả*" (cảnh giới chứng ngộ); sự khác biệt chỉ xuất hiện khi đi vào phần "*Hành*" (phương thức thực trì cụ thể).

Lập trường này đánh dấu bước ly khai khỏi tư duy phán giáo truyền thống. Trước đó, các bậc tiền nhân thường có khuynh hướng định vị tông phái của mình là tối thượng và viên mãn nhất, tiêu biểu như hệ thống phán giáo "*Ngũ thời Bát giáo*" (五時八教) của tông Thiên Thai. Ngược lại, Đại sư Thái Hư lấy tính bình đẳng làm điểm tựa để phán nhiếp toàn bộ hệ thống giáo lý. Nguyên tắc "*Tám tông bình đẳng*" (八宗平等) do ngài khởi xướng chủ yếu nhằm hóa giải các tranh chấp tông môn đương thời, thông qua việc dung thâu và bao hàm mọi pháp môn để duy trì tính toàn vẹn của Phật pháp.

Hệ thống phán giáo hoàn chỉnh của Đại sư Thái Hư khởi nguồn từ giai đoạn 1923-1924 và chính thức định hình vào năm 1940. Đây là lời phản hồi mang tính học thuật trước trào lưu nghiên cứu lịch sử Phật giáo thời hiện đại. Qua đó, ngài luận giải hệ thống phân định giáo lý của riêng mình dựa trên ba trục nền tảng: Giáo, Lý và Hành. Ba phạm trù này gắn kết theo một mạch biện chứng chặt chẽ, phản ánh toàn diện tiến trình tiếp cận văn bản, nghiên cứu tư tưởng và thực hành tu trì trong đạo Phật.



Đại sư Thái Hư. Ảnh sưu tầm.

Dựa trên tiến trình kết tập Tam tạng (Kinh, Luật, Luận) thời kỳ sơ khởi và sự biến đổi trong quá trình truyền thừa lịch sử, hệ thống này phân định dòng chảy lưu hành giáo pháp thành ba giai đoạn chủ đạo:

- Thời kỳ Tiểu hành Đại ẩn diễn ra từ sau khi đức Phật diệt độ, đặc trưng bởi sự lưu hành phổ biến của Phật giáo Tiểu thừa trong khi Đại thừa ẩn khuất. Giai đoạn này, mọi giáo lý, kinh điển Phật giáo bộ phái chủ yếu tuân theo hệ thống Tam tạng kinh điển Tiểu thừa.

- Giai đoạn khoảng 600 năm sau thời kỳ đức Phật sơ khởi, Bồ tát Mã Minh khởi xướng phong trào Phật giáo Đại thừa. Tiếp đó, các luận sư Long Thọ và Đề-bà hệ thống hóa lý luận "*Tất cánh không*" (triết học Tính Không), khẳng định vạn vật và hiện tượng đều không có tự tính. Đồng thời, hai anh em luận sư Vô Trước và Thế Thân tập trung phát triển tư tưởng "*Diệu hữu*". Sự kết hợp giữa hai trường phái Không và Hữu này đã thúc đẩy giáo lý Đại thừa phát triển hưng thịnh, đóng vai trò chủ đạo trên toàn thế giới.

- Thời kỳ Đại hành Tiểu ẩn, Mật chủ Hiển tùng (Đại thừa lưu hành rộng rãi, Tiểu thừa ẩn khuất; Mật giáo làm chủ, Hiển giáo phụ thuộc).Khoảng 1.200 năm sau thời kỳ đức Phật sơ khởi, hai luận sư Thanh Biện và Hộ Pháp lần lượt kế thừa tư tưởng của Long Thọ và Vô Trước. Việc hai ngài tập trung phát huy nghĩa lý Không và Hữu đã khiến hai tông phái tách biệt sâu sắc, dẫn đến cuộc tranh luận Không - Hữu trong lịch sử Phật giáo Đại thừa Ấn Độ. Về sau, luận sư Long Trí cùng các cộng sự chủ trương dung hợp tập tục bản địa để hoằng dương mật chú. Sự phát triển mạnh mẽ của hệ thống Mật pháp này khiến cả Đại thừa lẫn Tiểu thừa (vốn đã suy vi) dần bước vào giai đoạn ẩn mình, tích hợp trực tiếp vào trong cấu trúc của Mật giáo.

Tiến trình phân kỳ này khái quát toàn bộ diện mạo lịch sử truyền bá của Phật giáo Ấn Độ thời kỳ hậu sơ khởi, đồng thời đặt nền móng cho sự hình thành của ba hệ phái Phật giáo lớn trên thế giới ngày nay.

Xét dưới góc độ lý luận (trục Lý), thực tướng của các pháp - tức bản chất chân thật và rốt ráo của mọi hiện tượng - là cảnh giới vượt ngoài ngôn từ, chỉ có thể tiếp cận bằng thực chứng tâm linh. Tuy nhiên, nhằm thiết lập phương tiện giáo hóa, hệ thống lý luận này giả lập danh xưng và phân định nghĩa lý thành ba cấp độ chủ đạo để người tu học tiếp cận.

- Hệ quy chiếu này bao gồm năm cấp độ tu học: Nhân, Thiên, Thanh Văn, Duyên Giác và Bồ tát. Trong đó, định luật nhân quả duyên khởi - quy luật chi phối sự hình thành và vận hành của vạn vật do các điều kiện khách quan - được xác định là nền tảng giáo lý chung cho toàn bộ tín chúng thuộc cả năm cấp độ này.

Đây là hệ thống giáo lý chung cho ba bậc tu học: Thanh Văn, Duyên Giác và Bồ tát. Nền tảng thực hành của cấp độ này dựa trên các bộ khung giáo luật cốt lõi bao gồm Tứ niệm xứ (quán chiếu bốn phương diện: Thân, Thọ, Tâm, Pháp), Tứ chính cần (bốn phép tinh tấn chuyển hóa thiện – ác) và Bát chính đạo. Toàn bộ tiến trình tu trì được quán chiếu theo tiêu chuẩn Tam pháp ấn (vô thường, khổ, vô ngã), hướng tới mục tiêu tối hậu là giải thoát khỏi quy luật sinh tử và chứng đắc cảnh giới Niết-bàn.

Ở cấp độ tối cao dành riêng cho **Phật giáo Đại thừa**, Đại sư Thái Hư phân định hệ thống lý luận thành ba tông phái chủ đạo: Pháp tính Không tuệ tông, Pháp tướng Duy thức tông và Pháp giới Viên giác tông.

Trong đó, Pháp tính Không tuệ tông được xây dựng trên cơ sở nhận thức bản chất cốt lõi của vạn pháp đều là "*Không*", từ đó thông đạt thực tính chân như của thực tại. Đại sư khẳng định, tuệ giác Bát-nhã quán chiếu tính Không của các pháp chính là nền tảng căn bản của Phật giáo Đại thừa. Đối trọng với hệ tư tưởng này là Pháp tướng Duy thức tông, chuyên sâu luận giải về bản chất của tâm thức và cơ chế kiến tạo thực tại. Cuối cùng, Pháp giới Viên giác tông đại diện cho cảnh giới chân thật, nơi bản thể vũ trụ và trí tuệ giác ngộ tròn đầy hòa nhập làm một.

Đối với Pháp tướng Duy thức tông, hệ thống này định nghĩa toàn bộ tướng trạng nhân quả sai biệt của vạn pháp (gồm cả pháp hữu vi và vô vi) đều do "*thức*" và "*chính trí*" (trí tuệ do chuyển thức thành trí) hiển hiện. Do đó, "*thức*" được lấy làm gốc để lập tông.

Trong khi đó, Pháp giới Viên giác tông bao hàm toàn bộ cả pháp tính lẫn pháp tướng, lấy ranh giới tận cùng của vạn pháp làm "*giới*". Khái niệm "*Viên giác*" đại diện cho các trạng thái tuệ giác tối cao trên quả vị Phật (gồm Nhất thiết trí trí, Nhất thiết chủng trí và Nhất thiết tướng trí). Do chỉ có trí viên giác mới thấu suốt viên mãn mọi hiện tượng trong pháp giới, hệ thống này lấy viên giác làm tôn chỉ. Mô hình Viên giáo của các tông phái Thiên Thai, Hiền Thủ, cùng các tông phái như Thiền, Tịnh Độ và Mật tông đều được quy nạp vào trường phái này.

Xét trên phương diện thực hành tu trì và hoằng pháp (trục Hành), Đại sư Thái Hư đề xuất mô hình "*Tam y Tam thú*" (Ba điểm nương tựa và ba hướng đi). Hệ thống này được xây dựng dựa trên sự đánh giá tổng thể về mức độ tương thích giữa giáo lý với căn cơ của người học qua ba thời kỳ lịch sử: Chính pháp, Tượng pháp và Mạt pháp.

Trong thời kỳ Chính pháp, đức Phật hoằng truyền giáo pháp Thanh văn như phương tiện dẫn dắt do căn cơ chúng sinh chưa chín muồi. Tín chúng khi chứng đắc quả vị Thanh văn và khởi sinh tâm Đại thừa sẽ chính thức bước vào tiến trình hướng tới giác ngộ tối cao.

Trong tiến trình phân kỳ lịch sử, Thiền tông xuất hiện vào giai đoạn chuyển giao cuối thời kỳ thứ nhất, do đó Mật tông và Tịnh Độ tông trở thành hai đại diện cốt lõi cho thời kỳ Tượng pháp. Bấy giờ, năng lực tư duy của chúng sinh phát triển mạnh nhưng việc trì giữ giới luật có xu hướng suy giảm, khiến việc chứng đắc

hành quả Thanh văn truyền thống gặp nhiều trở ngại.

Để khắc phục thách thức này, Mật tông và Tịnh Độ tông lựa chọn điểm tựa từ hành quả Thiên thừa, vận dụng các khái niệm về thân tướng và cõi nước cõi trời (thiên sắc thân, thiên quốc độ) làm phương tiện. Mô hình này thiết lập lộ trình hướng thẳng đến quả vị Đại thừa nhằm tối ưu hóa tiến trình đạt đến sự giác ngộ.

Trong bối cảnh xã hội hiện đại, việc tu trì theo mô hình Thiên thừa dễ đối mặt với những chỉ trích về mặt mê tín thần quyền; ngược lại, việc nương theo hành quả Thanh văn lại dễ bị nhìn nhận là xu hướng tiêu cực lánh đời. Do đó, đây là giai đoạn đặc thù đòi hỏi sự chuyển dịch phương thức tiếp cận sang công hạnh Đại thừa.

Đây chính là cơ sở cốt lõi để Đại sư Thái Hư đề xướng nguyên lý "*Phật giáo Nhân sinh*". Mô hình này lấy hành quả Nhân thừa làm điểm tựa, chủ trương ưu tiên tu dưỡng và hoàn thiện nhân cách cá nhân nhằm giữ vững các giá trị đạo đức nền tảng. Trên tiền đề xây dựng một thế gian hoàn thiện mà không xa rời nhân tính, người tu học mới có thể tiến bước trên lộ trình thực hành hạnh nguyện Bồ tát của Phật giáo Đại thừa.

Trải qua hơn hai thập kỷ nghiên cứu và phát triển, hệ thống lý luận của Đại sư Thái Hư đã hoàn thiện cấu trúc phán nhiếp tổng thể đối với Phật pháp. Đúng như học giả Phương Dương từng nhận định, tiến trình tư tưởng của ngài chia thành hai mục tiêu thời đại rõ rệt. Ở giai đoạn đầu, nguyên tắc "*Tám tông bình đẳng*" hướng đến mục tiêu xóa bỏ các tranh chấp nội bộ, mưu cầu sự phát triển cân bằng và hòa hợp tông môn. Đến giai đoạn sau, hệ thống này tập trung vào nhiệm vụ tịnh hóa xã hội, giảm thiểu các cuộc xung đột toàn cầu để xây dựng nền hòa bình bền vững cho nhân loại. Bản thiết kế phán giáo toàn diện này chính là nền tảng lý luận cốt lõi vững chắc cho sự ra đời của phong trào "*Phật giáo Nhân sinh*" do ngài khởi xướng.

Có hai nguyên nhân trực tiếp thúc đẩy Đại sư Thái Hư đề xuất tư tưởng "Phật giáo Nhân sinh" nhằm tái định hình vai trò của tôn giáo trong lòng xã hội hiện đại:

- Thứ nhất, phản hồi quan điểm phản biện của nhà chính trị Ngô Trĩ Huy: Trong tác phẩm "*Thế giới quan và nhân sinh quan của một niềm tin mới*", nhà tư tưởng Ngô Trĩ Huy (吳稚暉; 1865-1953) đưa ra những chỉ trích gay gắt khi nhìn nhận Phật giáo như một "*quan niệm về cái chết*". Lập luận này xem giáo lý đạo Phật chỉ hướng con người đến thế giới sau khi qua đời mà xa rời thực tại.

- Thứ hai, bước chuyển dịch tư tưởng của Lương Sấu Minh: Sự kiện nhà triết học Lương Sấu Minh (1893-1988) quyết định rời bỏ Phật giáo để chuyển sang Nho giáo đã tạo ra một làn sóng thảo luận lớn. Ông nhận định đạo Phật thiếu năng lực đóng góp cho công cuộc cải tạo xã hội và không giải quyết được các vấn đề cốt lõi gắn liền với thực tế thực tiễn: "*Lúc này, nơi này và con người này*".

Trước hết, Đại sư Thái Hư bắt đầu bằng việc làm rõ nhân sinh quan Phật giáo. Trong thời gian bế quan tại Phổ Đà Sơn, tỉnh Chiết Giang, ngài đã viết các bài luận bước đầu đi sâu vào mối quan hệ giữa Phật giáo và cuộc sống thực tại. Tại đây, ngài đưa ra tôn chỉ tiến từ Nhân thừa lên Phật thừa, đồng thời nhận định việc lấy Ngũ giới làm điều thiện chung của Nhân thừa chính là nền tảng cốt lõi cho chính pháp Nhân thừa trong Phật giáo.

Qua tiến trình đối chiếu và phản biện bốn hệ thống nhân sinh quan cận đại (gồm các chủ nghĩa: nhân bản, vật bản, thần bản và ngã bản), Đại sư Thái Hư quy nạp các lý thuyết này vào nhóm "*nhân sinh quan không giải thoát*".

Ngược lại, ông khẳng định nhân sinh quan của Phật giáo Đại thừa lấy "*Viên giác* " làm tông chỉ cốt lõi. Khái niệm này biểu hiện sự nhất thể giữa hai thuộc tính: trí tuệ và từ bi. Do chỉ có con người mới sở hữu đầy đủ hai năng lực này, **Đại sư Thái Hư** chủ trương cá nhân cần tích cực phát huy các tiềm năng sẵn có để xây dựng một đời sống nhân đạo vẹn toàn. Tiến trình hoàn thiện nhân cách ở thực tại được định vị là nền tảng căn bản (nhân địa) để bước vào lộ trình thực hành hạnh nguyện Đại thừa.

Nhằm khắc phục hạn chế cố hữu của Phật giáo Trung Hoa đương thời là xu hướng xa rời thế sự, Đại sư Thái Hư đã làm rõ diệu hạnh "*tức tục tức chân*" (tìm kiếm chân lý ngay trong lòng đời sống phàm trần) của Phật giáo Đại thừa.

Nhận định này thay đổi định kiến lịch sử vốn xem Phật pháp là học thuyết thanh tịnh vô vi, khiến người tu học coi các công việc xã hội, quốc sự và gia đình là những yếu tố quấy nhiễu quá trình tu tập. Bản chất mối quan hệ giữa Phật giáo và các phương diện thế gian được ông định vị theo nguyên lý "*phi nhất phi dị, bất tức bất ly*" - tức hai không gian này vừa có tính độc lập tương đối, vừa có sự gắn kết hữu cơ, không thể tách rời biệt lập.

Suốt nhiều thế kỷ, xu hướng hoằng pháp truyền thống thường tập trung thuyết giảng giáo lý viên đốn Đại thừa, song phương thức thực hành lại thiên về lối tự độ biệt lập của Tiểu thừa. Hoạt động tu trì phổ biến thời bấy giờ chủ yếu hướng đến việc quán chiếu vòng luân hồi để tìm kiếm sự giải thoát cho cá nhân, trong khi nhân sự thực hành hạnh nguyện Bồ tát phục vụ cộng đồng rất hạn chế.

Thực trạng này kéo dài tạo thành định kiến xã hội, khiến dư luận lầm tưởng rằng các hoạt động dấn thân, cứu tế xã hội không thuộc về bản chất của đạo Phật. Lối tư duy này đã phủ nhận một thực tế cốt lõi: Chính hành động nhập thế và phụng sự cộng đồng mới là biểu hiện sinh động của diệu hạnh "*tức tục tức chân*" trong hệ tư tưởng Đại thừa chân chính.

Xuất phát từ thực tế đương thời, Đại sư Thái Hư chỉ ra tính cấp thiết của việc phát huy tinh thần nhân đạo trong Phật giáo Đại thừa. Sự phát triển mạnh mẽ của khoa học và tư duy lý tính lúc bấy giờ đã làm suy giảm tầm ảnh hưởng của các hệ thống tôn giáo truyền thống phương Tây. Tiến trình này gián tiếp gây ra sự rạn nứt của các nền tảng đạo đức xã hội đương thời, đẩy nhân loại vào bối cảnh xung đột và khủng hoảng nghiêm trọng.

Trước thực trạng đó, ngài kêu gọi giới tu học chủ động dấn thân vào các hoạt động thực tiễn để phục vụ cộng đồng. Bước đi chiến lược đầu tiên là xiển dương tư tưởng Nhân thừa nhằm định hình lại các giá trị đạo đức con người. Đại sư Thái Hư nhận định, nếu xã hội được phổ biến giáo dục, đồng lòng thực hành các tiêu chuẩn đạo đức cơ bản (gồm Ngũ giới, Thập thiện và tôn kính Tam bảo) để tự hoàn thiện bản thân, thì các cuộc khủng hoảng, thiên tai và nhân họa sẽ được đẩy lùi từ gốc rễ.

Tựu trung, "*Phật giáo Nhân sinh*" chính là hệ tư tưởng hạt nhân, định hình toàn bộ lộ trình cải cách thực trạng tôn giáo của Đại sư Thái Hư. Suốt các giai đoạn lịch sử khác nhau, ngài đã liên tục bổ sung lý luận và làm sáng tỏ ý nghĩa thời đại của mô hình nhập thế này.

Mùa hè năm 1928, tại Thượng Hải, Đại sư Thái Hư tuyên dương Diệu pháp Như Lai qua đề tài "*Thuyết minh về Phật học Nhân sinh*" (人生佛學的說明), đúc kết hai nguyên tắc cốt lõi của đạo Phật: "*Khế chân lý*" (phù hợp chân lý) và "*Hợp thời cơ*" (phù hợp thời thế).

Hệ thống luận điểm của ngài chỉ ra Phật học được cấu thành từ hai yếu tố song hành là chân lý tối cao do đức Phật giác ngộ và căn cơ mang tính thời đại của người học. Nếu thiếu tính đồng điệu với chân lý, Phật học sẽ mất đi cái "*Thể*" (bản chất cốt lõi); ngược lại, nếu không thích ứng với thời thế, tôn giáo sẽ mất đi cái "Dụng" (giá trị thực tiễn).

Quan điểm của Đại sư Thái Hư về thời thế được hệ thống hóa trong tác phẩm "*Luận về tính hiện thực chân thật của việc thành Phật ngay nơi con người*" (即人成佛的真現實論) xuất bản năm 1938. Thông qua phương pháp đối chiếu, so sánh đặc trưng Phật giáo giữa các vùng miền, ngài đưa ra nhận định lịch sử đương đại đã bước vào thời kỳ Mạt pháp.

Theo đó, các mô hình tu hành từng chiếm ưu thế trong lịch sử đã không còn phù hợp với bối cảnh mới. Cụ thể là xu hướng "*Siêu dục phạm hạnh;* 超慾梵行" (kiên trì lối sống thanh tịnh vượt trên ham muốn) thịnh hành thời Chính pháp, hay "*Tức dục chú thuật;* 即欲咒術" (vận dụng phương thuật ngay trong dục giới) phổ biến thời Tượng pháp đều mất đi vị thế chủ lưu. Đại sư Thái Hư khẳng định, xu thế tất yếu của thời kỳ Mạt pháp hiện đại phải thuộc về mô hình "Phật giáo Nhân sinh" - tức lộ trình thực hành giáo lý để đạt đến sự giác ngộ ngay trong cuộc sống thực tại.

Từ góc nhìn thời đại đó, Đại sư Thái Hư đã chuyển đổi khẩu hiệu truyền thống mang tính biệt lập của Thiền tông là "*Trực chỉ nhân tâm, kiến tính thành Phật;* 直指人心 見性成佛" (Chỉ thẳng vào tâm người, thấy bản tính để thành Phật) sang các phần định hướng mang tính nhập thế xã hội cao. Các khẩu hiệu cải tiến bao gồm: "*Trực y nhân sinh, tăng tiến thành Phật;* 直依人生 增進成佛" (Dựa thẳng vào đời sống thực tại, tinh tấn để thành Phật) và "*Phát đạt nhân sinh, tiến hóa thành Phật;* 發達人生 進化成佛" (Phát triển cuộc sống nhân sinh, tiến hóa để thành Phật).

Nhìn nhận từ đặc trưng của nền văn hóa toàn cầu đương đại, Đại sư Thái Hư đúc kết hệ tư tưởng "Phật học Nhân sinh" qua ba tầng nội hàm cốt lõi:

- Hàm nghĩa thứ nhất: Đặt con người và cuộc sống hiện sinh làm trung tâm.

Để phù hợp với xu thế coi trọng giá trị thực tiễn của xã hội đương đại, Phật học tuy bao hàm phạm vi giáo hóa rộng lớn, nhưng trước hết phải lấy "*nhân loại*" làm chủ thể. Hệ thống giáo lý này dù hướng đến cảnh giới vượt trên quy luật sinh tử, nhưng bắt buộc phải lấy "*nhân sinh*" làm gốc, tập trung thúc đẩy sự phát triển bền vững cho đời sống thực tại của con người.

- Hàm nghĩa thứ hai: Dùng Phật giáo Đại thừa làm tư tưởng chủ đạo.

Để thích ứng với mô hình xã hội mang tính tổ chức cao của thời đại mới, hệ thống tư tưởng này khẳng định tầm quan trọng của Phật giáo Đại thừa nhập thế. Dù giáo lý truyền thống tồn tại khuynh hướng Tiểu thừa hướng đến sự vô ngã và giải thoát cá nhân, mô hình mới bắt buộc phải chọn Đại thừa làm trọng tâm hành động, thúc đẩy trách nhiệm cộng đồng và sự gắn kết xã hội.

- Hàm nghĩa thứ ba: Lựa chọn lộ trình tiệm tiến.

Để tương thích với tư duy khoa học và thực nghiệm của xã hội hiện đại, Đại sư Thái Hư chủ trương lấy xu hướng "*Viên tiệm*" (tu tiến tuần tự) làm cốt lõi vận hành, thay vì áp dụng khuynh hướng "*Viên đốn*" (ngộ đạo nhanh chóng) của

Phật giáo Đại thừa. Việc ưu tiên lộ trình này giúp người học tiếp cận giáo lý theo một tiến trình logic, minh bạch và có tính hệ thống cao.

Phân định ranh giới giữa chính tín và các hiện tượng mê tín

Dựa trên ba nội hàm này, mô hình "*Phật học Nhân sinh*" chủ trương tách biệt các phạm trù mang tính thần thoại hoặc siêu nhiên, đồng thời kiên quyết bài trừ các hủ tục mê tín dị đoan và tư duy thần quyền mang tính cục bộ. Bước đi này nhằm làm sạch không gian tôn giáo, hướng người học tập trung vào các giá trị thực tiễn của cuộc sống hiện sinh.

Lộ trình hoàn thiện nhân cách và tiến trình tu chứng tiệm tiến

Xuất phát từ đời sống hiện sinh, người học Phật trước hết cần tiếp cận hệ thống kinh luận Đại thừa để định hình nhãn quan toàn diện, phát Bồ đề tâm và thực hành **hạnh nguyện Bồ tát**. Ở giai đoạn đầu, hành giả tập trung xây dựng nền tảng thiện căn tương ứng với phẩm vị Thập tín để hoàn thiện nhân cách ngay trong đời thực. Tiếp đó, tiến trình tu trì vận hành theo lộ trình tiệm tiến, nâng cao dần qua các cảnh giới Thập trụ, Thập hạnh và Thập địa. Trải qua quá trình thực chứng lâu dài, cá nhân sẽ từng bước thăng hoa cảnh giới tâm thức từ một con người bình thường đạt tới quả vị Phật tối cao.

Mô hình tổ chức và cơ chế vận hành thực tiễn

Trên phương diện thực tiễn, lộ trình này được cụ thể hóa bằng việc thiết lập các tăng đoàn chuyên nghiệp, phối hợp chặt chẽ cùng mạng lưới hội quần chúng rộng rãi. Cơ chế liên kết này hướng tới mục tiêu xây dựng một mô hình Phật giáo Đại thừa có cấu trúc tổ chức đồng bộ và kỷ luật nghiêm ngặt.

Trong bài thuyết giảng "*Khai đề về Phật giáo Nhân sinh*" (人生佛教開題) năm 1944, Đại sư Thái Hư định nghĩa lại "*nhân sinh*" là "*sinh nhân*" (người đang sống), nhằm trực diện phê phán xu hướng "*Phật giáo tiến vong*" chỉ chú trọng cầu siêu cho người chết. Luận điểm này nhấn mạnh bước chuyển dịch từ việc tập trung vào cõi sau cái chết sang định hướng giá trị sống và hoàn thiện nhân cách cho con người trong thực tại.

Nguyên lý ưu tiên thực tại và nhãn quan nhân bản rộng mở.

Hệ lý luận này định vị rằng việc thấu hiểu thực tại và hoàn thiện trách nhiệm công dân trong đời sống hiện sinh sẽ tạo tiền đề để giải quyết các vấn đề sau cái chết. Do đó, việc chuyển dịch trọng tâm từ các hiện tượng siêu nhiên sang đời sống thực tế của con người mang lại giá trị thiết thực cho xã hội.

Dưới lăng kính Phật học, con người được nhìn nhận như một thực thể đại diện trong thế giới sinh vật đa tầng cấp; việc biện giải về đời sống con người đồng nghĩa với việc làm rõ quy luật vận hành của vạn vật. Bản chất rộng mở này tạo nên sự khác biệt cốt lõi giữa khái niệm "*nhân loại*" của Phật giáo và định nghĩa mang tính khu biệt, giới hạn của Nho giáo.



Hình ảnh chỉ mang tính chất minh hoạ (sưu tầm).

Hàm nghĩa chữ "*Sinh*" và ranh giới triết học với Nho giáo

Mặt khác, khái niệm "*Sinh*" dưới lăng kính Phật học bao hàm cả tiến trình duyên khởi, sự biến dịch và chuyển hóa của sinh mệnh. Bản chất của sự sống vận hành theo nguyên lý do các điều kiện khách quan tương tác tạo thành (duyên khởi); vạn vật sinh ra nhưng không có tự tính độc lập (sinh nhi vô sinh) - đây là biểu hiện cho bản chất "*Tính Không*" của nhân duyên.

Ngược lại, từ cảnh giới không sinh diệt mà hiển hiện dòng chảy của sự sống (vô sinh nhi sinh) - đây là biểu hiện cho bản chất "*Diệu Sinh*" của nhân duyên. Hệ thống quan điểm biện chứng này một lần nữa thiết lập ranh giới triết học khác biệt so với nội hàm khái niệm "*Sinh*" trong hệ thống tư tưởng Nho gia.

Bốn mục tiêu chiến lược của mô hình "*Phật giáo Nhân sinh*"

Nhằm hiện thực hóa lý tưởng nhập thế, Đại sư Thái Hư định hình bốn mục tiêu chiến lược và hiệu quả cốt lõi của phong trào bao gồm: cải thiện nhân sinh, hậu thế tăng thắng (hướng tới tương lai tốt đẹp hơn), giải thoát sinh tử và pháp giới viên minh (thấu suốt quy luật vạn pháp).

Lộ trình phân cấp mục tiêu trong hệ thống Ngũ thừa

Bốn mục tiêu chiến lược này được phân định tương thích theo từng nấc thang phát triển của hệ thống giáo lý Ngũ thừa:

- Nhân thừa - Cải thiện nhân sinh: Tập trung giải quyết các vấn đề thực tại, hoàn thiện đạo đức và nâng cao chất lượng cuộc sống con người ở thế gian.

- Thiên thừa - Hướng tới tương lai tốt đẹp hơn: Tạo dựng nền tảng nghiệp thiện để đạt được sự an lạc và phát triển bền vững cho đời sống kế tiếp (hậu thế tăng thắng).

- Nhị thừa (Thanh văn và Duyên giác) - Giải thoát sinh tử: Kế thừa thành tựu của hai cấp độ trước, hướng người học tiến sâu vào lộ trình chấm dứt vòng lặp luân hồi.

- Đại thừa - Thấu suốt quy luật vạn pháp (Pháp giới viên minh): Tích hợp trọn vẹn giá trị của toàn bộ hệ thống để hướng đến đích đến tối cao: Sự giác ngộ viên mĩ và toàn diện.

Giá trị kép và sứ mệnh đồng hành cùng thời đại

Với kết cấu lý luận này, "*Phật giáo Nhân sinh*" sở hữu giá trị song hành trên cả hai phương diện phản biện và kiến thiết:

- Về khía cạnh phản biện: Hệ tư tưởng này điều trị tận gốc các khuynh hướng tiêu cực, lánh đời và hủ tục vốn tồn tại lâu năm trong thực tiễn Phật giáo truyền thống.

- Về khía cạnh kiến thiết: Mô hình này lấy việc hoàn thiện đời sống hiện sinh làm bệ phóng để người tu học phát Bồ đề tâm và thực hành hạnh nguyện Bồ tát. Lộ trình nhập thế này hướng tới mục tiêu tối hậu: Vừa đạt đến sự tự tại của bản thân, vừa chủ động gánh vác trách nhiệm giải phóng các nỗi khổ đau của xã hội theo đúng tinh thần "*trên cầu thành Phật, dưới độ chúng sinh*".

Tựu trung, "*Phật giáo Nhân sinh*" là giải pháp dung hợp toàn diện hệ thống giáo lý đạo Phật nhằm tương thích và thích ứng trọn vẹn với các xu thế phát triển của thời đại mới.

Chuyển dịch mục tiêu hành động sang mô hình "*Phật giáo Nhân gian*"

Bên cạnh hệ tư tưởng trên, Đại sư Thái Hư còn khởi xướng phong trào "*Phật giáo Nhân gian*" nhằm làm rõ bản chất thực tiễn của đạo Phật. Khái niệm này khẳng định Phật giáo không hướng con người đến các xu hướng thần bí, siêu

nhiên, cũng không mang tính chất cách ly xã hội qua việc yêu cầu số đông phải xuất gia tu hành tại các tự viện biệt lập.

Ngược lại, giá trị cốt lõi của Phật giáo Nhân gian nằm ở việc vận dụng giáo lý vào các lĩnh vực nền tảng bao gồm chính trị, kinh tế, giáo dục và đời sống xã hội. Tiến trình nhập thế này đóng vai trò là công cụ thúc đẩy công cuộc cải tạo xã hội và kiến tạo các giá trị phát triển bền vững.

Khủng hoảng giá trị của văn minh phương Tây dưới lăng kính khoa học

Đại sư Thái Hư nhận định, sự trỗi dậy của nền văn minh khoa học hiện đại tại châu Âu đã làm suy giảm vai trò của hệ thống luân lý lấy thần quyền làm gốc. Hệ lụy của tiến trình này là việc đẩy thế giới vào các cuộc xung đột toàn cầu. Khảo sát thực tế lịch sử cho thấy, các mô hình đương thời vẫn chưa hình thành được một hệ giá trị đạo đức mới có đủ năng lực tương thích và đứng vững trên nền tảng của tư duy khoa học.

Lập trường cân bằng văn hóa và vai trò của giá trị bản địa

Trước xu thế chuyển dịch của thời cuộc, Đại sư Thái Hư đề xuất giải pháp vận dụng các giá trị cốt lõi của văn hóa bản địa làm đối trọng với khuynh hướng thực dụng phương Tây. Đại sư chủ trương dùng tinh thần "*khắc kỷ sùng nhân*" (kiểm soát bản thân, tôn trọng nhân nghĩa) để điều chỉnh tư tưởng "*túng ngã chế vật*" (đề cao cái tôi, chế ngự vật chất). Mục tiêu của chiến lược này là góp phần giải quyết các khủng hoảng toàn cầu, đồng thời khẳng định giá trị thực tiễn của hệ tư tưởng Trung Hoa trên vũ đài quốc tế.

Nền tảng khởi xướng phong trào kết nối Phật giáo toàn cầu

Động lực này là cơ sở để Đại sư Thái Hư tiên phong đề xuất và hiện thực hóa ý tưởng thành lập tổ chức Phật giáo mang tính quốc tế. Năm 1924, ngài khởi xướng "*Đại hội Phật giáo Liên hiệp Thế giới*" tại núi Lô Sơn (Trung Quốc), đặt nền móng cho phong trào kết nối tôn giáo toàn cầu nhằm xây dựng hệ giá trị đạo đức mới cho nhân loại.

Trong tầm nhìn chiến lược của ngài, tiến trình giác ngộ giáo lý được xác định là trục tư duy cốt lõi để kích hoạt các hoạt động nhập thế phục vụ xã hội. Việc đưa đạo Phật hiển hiện giữa cuộc sống đời thường hướng tới mục tiêu cải biến các khủng hoảng thực tại, xây dựng một xã hội ổn định, thái bình và phát triển thịnh vượng.

Phán giáo và "*Phật giáo Nhân sinh*" -Trục cốt lõi trong tiến trình lập thuyết

Tiến trình tư tưởng của Đại sư Thái Hư được khái quát bằng việc lấy "*phán giáo*" làm phương pháp luận tiếp cận và lấy "*Phật giáo Nhân sinh*" làm mục tiêu tối hậu. Đối với ngài, phán giáo không đơn thuần là công cụ phân loại lý thuyết, mà phản chiếu tư duy chiến lược về vận mệnh của Phật giáo Trung Hoa, cũng như tương lai của nhân loại trước những biến động toàn cầu.

Mô hình "*Phật giáo Nhân sinh*" chính là kết quả kết tinh từ tiến trình lập thuyết sâu sắc này. Qua đó, Đại sư Thái Hư đã thể hiện một tầm nhìn mang tính toàn cầu, trong khi lập trường cốt lõi vẫn luôn kiên định trên nền tảng văn hóa và Phật giáo Trung Hoa bản địa.

Tái xác lập tính chính thống cho các tông phái bản địa

Hệ thống phán giáo của Đại sư Thái Hư được xây dựng như một chỉnh thể lý luận mới nhằm tái xác lập vị thế chính thống cho các tông phái Phật giáo Trung Hoa. Mô hình này đóng vai trò quyết định trong việc củng cố nền tảng bản sắc tôn giáo trước các trào lưu học thuật đương thời.

Làn sóng phê phán Phật giáo truyền thống từ giới học thuật đương thời

Trong thời kỳ Trung Hoa Dân Quốc, giới nghiên cứu sử học tôn giáo xuất hiện xu hướng tôn sùng Phật giáo Ấn Độ nguyên thủy và hạ thấp vai trò của Phật giáo Trung Hoa bản địa. Giới học thuật đương thời đồng loạt đề cao Pháp Tướng tông, đồng thời bài xích các tông phái nền tảng như Thiên Thai và Hiền Thủ.

Dưới tác động từ làn sóng văn hóa phương Tây, nhiều học giả đã vận dụng phương pháp khảo chứng học hiện đại để lập luận rằng các kinh điển cốt lõi như Đại thừa Khởi tín luận hay kinh Lăng Nghiêm là ngụy tác. Tiến trình này tạo ra làn sóng hoài nghi khoa học, trực diện phủ nhận và phê phán giá trị của hệ thống Phật giáo truyền thống Trung Hoa.

Lập trường phủ nhận tư tưởng Như Lai Tạng của Học phái Nội viện

Tiêu biểu cho xu hướng phản biện này là Học phái Nội viện do cư sĩ Âu Dương Cánh Vô (歐陽竟無, 1871-1943), vô sùng dẫn dắt. Học phái này lập luận rằng Phật giáo Đại thừa Ấn Độ chỉ tồn tại hai hệ phái chính thống là Bát Nhã và Du Già, đồng thời bác bỏ tư tưởng Như Lai Tạng như một hệ phái độc lập. Thông qua việc phủ nhận tư tưởng Như Lai Tạng, học phái này hướng tới mục tiêu phủ quyết hoàn toàn tính chính thống của mô hình Phật giáo Trung Hoa. Thực trạng này đã thúc đẩy Đại sư Thái Hư phải xây dựng các luận điểm phản biện mang tính hệ thống để bảo vệ tôn giáo.

Xây dựng hệ thống phán giáo mới bảo vệ tính chính thống

Trước sức ép lý luận từ giới học thuật đương thời, Đại sư Thái Hư đã hoàn thiện mô hình phân loại giáo lý Đại thừa bằng cách thiết lập "*Pháp giới Viên giác*" (法界圓覺宗) thành một tông phái độc lập. Giải pháp này định hình chỗ đứng vững chắc cho các tông phái truyền thống Trung Hoa bao gồm Thiên Thai, Hiền Thủ, Thiền và Tịnh Độ.

Hơn thế nữa, ngài khẳng định tư tưởng Như Lai Tạng (học thuyết về tính giác ngộ sẵn có của mọi chúng sinh) không chỉ là một hệ thống Phật học độc lập, mà còn là học thuyết viên mãn và rốt ráo nhất trong các hệ phái Phật giáo Đại thừa. Thông qua hệ thống phán giáo mới này, Đại sư Thái Hư đã xây dựng nền tảng lý luận vững chắc nhằm hộ trì và bảo vệ tính chính thống của mô hình Phật giáo Trung Hoa bản địa.

Nền tảng bản địa của hệ tư tưởng nhập thế

Về phương diện lý luận, nền tảng giáo lý cốt lõi của "*Phật giáo Nhân sinh*" vẫn bám rễ sâu sắc và nhất quán trong dòng chảy của Phật giáo Trung Hoa truyền thống. Sự định hình của phong trào này không tách rời các giá trị bản địa, mà lấy đó làm điểm tựa để phát triển các phương châm hành động phù hợp với thực tại xã hội.

Chuyển dịch trọng tâm sang nghiên cứu nền tảng giáo lý

Thay vì lặp lại xu hướng của giới học giả đương thời vốn tập trung luận giải về khía cạnh phản hồi thực tiễn xã hội, nội dung này chuyển dịch trọng tâm vào việc làm rõ lập trường bản địa của "*Phật giáo Nhân sinh*" dựa trên chính các nền tảng giáo lý cốt lõi. Tiến trình đối chiếu này nhằm chứng minh tính liên kết biện chứng giữa tư tưởng đổi mới và cội nguồn triết học **Phật giáo Trung Hoa**.

Lộ trình tinh tấn từ nhân tính lên Phật quả

Đại sư Thái Hư luận giải, bản hoài xuất thế (tâm nguyện cốt lõi khi thị hiện ở đời) của đức Phật được phản chiếu đồng bộ trong kinh Hoa Nghiêm và kinh Pháp Hoa qua trục tư tưởng dẫn dắt con người từ trạng thái phàm phu, từng bước tu tập niềm tin để đạt tới cảnh giới tối cao là "*Phật thừa*".

Trục lý luận này kế thừa học thuyết "*Tam sinh thành Phật*" (thành Phật trong ba đời) của tông Hoa Nghiêm, phân định lộ trình chuyển hóa tâm thức qua ba nấc thang nối tiếp: phẩm vị Bồ tát thuộc cõi nhân sinh, phẩm vị Bồ tát vượt trên nhân tính và phẩm vị Bồ tát của Phật quả. Do toàn bộ tiến trình đều vận hành dựa trên các phẩm vị Bồ tát, hành giả có thể bỏ qua các giai đoạn Thiên thừa, Thanh văn và Độc giác truyền thống. Các cấp độ tu học này trên thực tế đã được tích hợp và hòa hợp hoàn toàn vào cấu trúc của phẩm vị Bồ tát vượt trên

nhân tính.

Luận điểm phản bác về tính chính thống của "*Phật giáo Nhân sinh*"

Trước lập luận từ nhà triết học Lương Sấu Minh (梁漱溟; 1893-1988) cho rằng "*Phật giáo Nhân sinh*" là một sự cải biến sai lệch bản chất và mang tính "*phi Phật giáo*", Đại sư Thái Hư đã trực diện phản bác. Ngài chỉ ra rằng, mô hình Phật giáo phổ biến tại châu Á và thế giới phương Tây đương thời đa phần chỉ tiếp cận ở cấp độ Nhân thiên thừa và một phần Nhị thừa. Các giáo lý này vốn được thiết lập để tương thích với tâm lý quần chúng Ấn Độ cổ đại.

Hệ quả là giới học giả và đại chúng đã bỏ qua hệ thống lý luận cốt lõi về "*Phật thừa rốt ráo của nhân sinh*" và "*Nhân thừa của Phật*". Đây mới chính là trục tư tưởng nền tảng cho phép người tu học phát đại tâm, trực tiếp thực hành lộ trình hướng đến Phật quả tối cao từ ngay trong đời sống thực tại.

Làm rõ sai lệch trong nhận thức triết học của Lương Sấu Minh

Đại sư Thái Hư chỉ rõ, Lương Sấu Minh đã nhầm lẫn khi coi trạng thái định nghiệp bất động của cõi định hay tư duy giải thoát cá nhân của Nhị thừa là bản chất toàn diện của đạo Phật. Chính việc thiếu thấu suốt về bản hoài của đức Phật cùng hệ thống triết học Đại thừa lưu xuất từ đó đã dẫn đến những nhận định sai lệch.

Do giới hạn trong góc nhìn lịch sử, Lương Sấu Minh đã quy chụp việc đưa các phương thức thực hành nhập thế của Đại thừa vào đời sống thực tại là hành vi cải biến giáo lý và mang tính "*phi Phật giáo*". Trái lại, Đại sư Thái Hư khẳng định tiến trình này là sự vận hành đúng đắn và đồng bộ của trục tư tưởng Phật thừa nhân sinh.

Giao điểm và sự phân hóa thuật ngữ giữa hai thế hệ lập thuyết

Một số học giả nhận định, xét về phạm vi áp dụng, hệ tư tưởng của Đại sư Thái Hư tương đồng với khái niệm "*Phật giáo Nhân gian*"; còn xét trên phương diện lý luận và phương pháp pháp hành, mô hình này được định danh là "*Phật giáo Nhân sinh*". Về mặt bản chất nội hàm, hai khái niệm này sở hữu tính đồng nhất cao.

Tuy nhiên, Đại sư Thái Hư luôn chọn "*Phật giáo Nhân sinh*" làm trục định hướng chủ đạo cho toàn bộ hệ thống lý luận của mình. Lập trường này đồng thời ghi nhận những góc nhìn khác biệt, tạo thế đối thoại học thuật đối với tư tưởng "*Phật giáo Nhân gian*" do Đại sư Ấn Thuận (1906-2005) đề xướng - nhân vật có tầm ảnh hưởng lớn trong dòng chảy tư tưởng Phật giáo Trung Hoa và Đài Loan

thời cận hiện đại.

Phản biện của Đại sư Thái Hư về xu hướng cô lập không gian nhân gian

Đại sư Thái Hư phân tích, dù Phật pháp đặc biệt coi trọng cõi nhân sinh, hệ thống giáo lý này xét đến cùng vẫn phải lấy toàn bộ không gian sinh tồn của vạn vật (thế giới chúng sinh trong mười phương khí giới) làm tầng nền tảng thứ nhất. Từ bệ phóng vĩ mô đó, cõi nhân gian mới định hình như một tầng thứ hai đặc thù, đóng vai trò là môi trường thực nghiệm để xuất hiện các lộ trình giải thoát của Tam thừa và Đại thừa.

Dựa trên thế giới quan nhất thể này, ngài thẳng thắn phản biện xu hướng lập thuyết của Đại sư Ấn Thuận. Đại sư Thái Hư nhận định, việc coi con người là trục cốt lõi độc nhất của sự thăng trầm vô hình trung sẽ cắt rời đạo Phật khỏi mối liên hệ hữu cơ với thế giới sinh vật đa tầng cấp, dẫn đến hệ lụy cô lập và hạn chế phạm vi ứng dụng của Phật pháp.

Cấu trúc phân tầng giữa không gian thực hành và mục tiêu tối hậu

Đối với Đại sư Thái Hư, "*Phật giáo Nhân gian*" biểu hiện sự mở rộng về mặt không gian thực nghiệm của mục tiêu "*cải thiện nhân sinh*" - tức là một khi đời sống thực tại được hoàn thiện thì xã hội sẽ tự chuyển hóa thành cõi Tịnh độ nhân gian.

Trong khi đó, "*Phật giáo Nhân sinh*" sở hữu cấu trúc bao quát hơn khi bao hàm toàn bộ lộ trình hoàn chỉnh từ các giá trị hiện sinh thế gian cho đến cảnh giới giải thoát xuất thế gian. Trên bệ phóng của việc cải thiện nhân sinh, hệ tư tưởng này thiết lập một định hướng cao hơn: Hướng người tu học đạt đến cảnh giới "*pháp giới viên minh*" - trạng thái thấu suốt rốt ráo mọi quy luật vũ trụ của một bậc giác ngộ toàn diện.

Sự phân hóa phương pháp luận giữa hai trục tư tưởng

Nguồn gốc của sự khác biệt giữa hai nhà lập thuyết liên quan trực tiếp đến phương pháp phân tích và hệ thống hóa toàn bộ giáo lý Phật pháp. Theo nhận định của Đại sư Ấn Thuận, hệ thống lý luận của Đại sư Thái Hư mang bản chất của "*Phật học Trung Hoa bản địa*". Ngược lại, chính Đại sư Ấn Thuận lại lựa chọn hệ thống Phật giáo Ấn Độ làm quy chuẩn học thuật, đồng thời định vị triết học Tính Không (Tính Không luận) là trục tư tưởng cốt lõi và thuần khiết nhất của đạo Phật.

Lập trường phê phán xu hướng thần bí hóa giáo lý của Đại sư Ấn Thuận

Từ trục tư tưởng Phật giáo Nhân gian của mình, Đại sư Ấn Thuận thẳng thắn phản biện khuynh hướng "*thần tiên hóa*" hoặc huyền bí hóa đạo Phật. Lập trường này đồng thời đưa các tông phái Bắc truyền Trung Hoa (gồm Thiên Thai, Hiền Thủ, Thiền, Tịnh Độ) và Mật giáo trở thành đối tượng phân tích, phê phán của ngài do các biểu hiện dung hợp quá mức với tín ngưỡng dân gian.

Sự phân hóa phương pháp luận giữa hai trục tư tưởng

Nguồn gốc của sự khác biệt giữa hai nhà lập thuyết liên quan trực tiếp đến phương pháp phân tích và hệ thống hóa toàn bộ giáo lý Phật pháp. Theo nhận định của Đại sư Ấn Thuận, hệ thống lý luận của Đại sư Thái Hư mang bản chất của "*Phật học Trung Hoa bản địa*". Ngược lại, chính Đại sư Ấn Thuận lại lựa chọn hệ thống Phật giáo Ấn Độ làm quy chuẩn học thuật, đồng thời định vị triết học Tính Không (Tính Không luận) là trục tư tưởng cốt lõi và thuần khiết nhất của đạo Phật.

Lập trường phê phán xu hướng thần bí hóa giáo lý của Đại sư Ấn Thuận

Từ trục tư tưởng Phật giáo Nhân gian của mình, Đại sư Ấn Thuận thẳng thắn phản biện khuynh hướng "*thần tiên hóa*" hoặc huyền bí hóa đạo Phật. Lập trường này đồng thời đưa các tông phái Bắc truyền Trung Hoa (gồm Thiên Thai, Hiền Thủ, Thiền, Tịnh Độ) và Mật giáo trở thành đối tượng phân tích, phê phán của ngài do các biểu hiện dung hợp quá mức với tín ngưỡng dân gian.

Lập trường bảo vệ hệ triết học bản địa của Đại sư Thái Hư

Ngược lại, Đại sư Thái Hư khẳng định tư tưởng Trung đạo "*Không - Hữu bất nhị*" (Không và Có chẳng tách rời) mới là trục cốt lõi phù hợp nhất với bản hoài của đức Phật. Dưới lăng kính lịch sử, ngài nhận định sự suy tàn của Phật giáo Ấn Độ xuất phát từ các cuộc tranh luận, xung đột học thuật gay gắt do trường phái chấp Không khơi mào.

Trong khi đó, mô hình Phật giáo Trung Hoa tránh được tiến trình suy vong này nhờ nền tảng lý luận vững chắc của các tông phái Thiên Thai, Hiền Thủ và Thiền tông. Từ các dữ kiện thực tế đó, Đại sư Thái Hư khẳng định công cuộc canh tân tôn giáo bắt buộc phải bám sát trục hành động: Chỉnh đốn và tái thiết trên chính nền tảng của hệ thống Phật giáo truyền thống bản địa.

Sự kết tinh từ nền tảng thực chứng và tinh thần nhập thế

Về mặt hành động, tôn chỉ thực tiễn của mô hình "*Phật giáo Nhân sinh*" là kết quả kết tinh trực tiếp từ nền tảng thực chứng tâm linh và định hướng nhập thế của Đại sư Thái Hư. Việc xây dựng hệ thống lý luận này gắn liền với nỗ lực giải

quyết các thách thức xã hội đương thời, chuyển hóa các giá trị đạo đức tôn giáo thành công cụ phụng sự cộng đồng.

Tính nhất quán giữa thực chứng tâm linh và hệ thống lý luận

Việc Đại sư Thái Hư lựa chọn mô hình "*Pháp giới Viên giác tông*" xuất phát trực tiếp từ nền tảng thực chứng tâm linh cá nhân. Trải nghiệm tự chứng nội tâm này tạo nên một hệ thống xác tín lý luận vững chắc, độc lập hoàn toàn với các trào lưu khảo chứng học khách quan bên ngoài. Đây chính là căn nguyên giúp hệ tư tưởng của ngài luôn duy trì tính nhất quán, không bị dịch chuyển trước các làn sóng phản biện hay hoài nghi tư liệu từ giới học thuật đương thời.

Nền tảng rèn luyện trong môi trường Phật giáo truyền thống

Sau khi xuất gia, Đại sư Thái Hư từng thân cận tham học Phật pháp với Cao tăng Bát Chỉ Đầu Đà (高僧八指頭陀; 1852-1912), đồng thời nghiên cứu kinh giáo dưới sự dẫn dắt của các pháp sư truyền thống. Giai đoạn này giúp ngài trải qua quá trình huấn luyện nghiêm ngặt trong môi trường thiền đường truyền thống, đặt nền móng vững chắc cho tư duy lập thuyết sau này.

Bước ngoặt thực chứng tâm linh đầu tiên

Năm 19 tuổi, khi bế quan nghiên cứu Tạng kinh tại chùa Tây Phương ở Từ Khê (Ninh Ba, Chiết Giang), Đại sư Thái Hư đã đạt được trải nghiệm thiền định và ngộ đạo đầu tiên trong cuộc đời tu học. Trong tiến trình điều phục và nhiếp niệm tâm thức khi nghiên cứu kinh Đại Bát Nhã, ngài dần chứng nghiệm trạng thái định tĩnh sâu sắc của thân tâm. Bước chuyển biến lớn về mặt nhận thức tâm linh này đã đặt nền móng lý luận quan trọng cho sự hình thành của hệ tư tưởng "*Phật giáo Nhân sinh*" sau này.

Trong thời gian bế quan tại Phổ Đà Sơn (quần đảo Chu Sơn, tỉnh Chiết Giang), Đại sư Thái Hư đạt trải nghiệm thiền định lần thứ hai. Cột mốc này giúp ngài thấu triệt cảnh giới mô tả trong kinh Lăng Nghiêm và Đại thừa Khởi tín luận. Đến năm 1916, ngài tiếp tục đạt trải nghiệm thiền định sâu sắc lần thứ ba. Khác với sự chứng ngộ về "*chân Không*" ở hai lần trước, trải nghiệm lần này mang tính trực giác về cái "*diệu Hữu*" của duyên khởi.

Những chứng ngộ tâm linh này trở thành nền móng vững chắc cho niềm tin kiên định của ngài vào Phật giáo Trung Hoa, đồng thời định hình hướng đi cho công cuộc cải cách sau này. Theo Đại sư Thái Hư, thực trạng suy tàn của Phật giáo Trung Hoa thời bấy giờ hoàn toàn không bắt nguồn từ hệ thống tư tưởng hay lý luận, mà do sự đứt gãy giữa lý thuyết và thực hành.

Trong thời kỳ Trung Hoa Dân Quốc, xu hướng dịch chuyển trọng tâm của Phật giáo từ cõi xuất thế sang dấn thân vì nhân sinh đã trở thành làn sóng phổ quát. Trên lập trường này, Đại sư Thái Hư nỗ lực ứng dụng các giá trị Phật giáo để giải quyết những khủng hoảng xã hội của Trung Hoa và thế giới thời bấy giờ.

Khác với nhà Phật học Âu Dương Cánh Vô (1871-1943) - người nhấn mạnh tính siêu việt "*bất cộng*" (không dung hòa) giữa Phật pháp và thế gian để phản kháng chủ nghĩa hiện đại, Đại sư Thái Hư lựa chọn phương thức "*điều hòa, thích ứng*". Qua tư tưởng "*Phật giáo Nhân sinh*", ngài nỗ lực hội thông các giá trị của thời đại mới. Mục tiêu của ngài là dùng Phật pháp khơi dậy thiện tính nội tại của đại chúng, từ đó xây dựng các nguyên tắc đạo đức phổ quát và chuẩn mực hành vi cho nhân loại. Đây chính là lộ trình hiện thực hóa viễn cảnh "*Cõi Phật*" hay "*Tịnh độ giữa nhân gian*".

Tuy nhiên, việc giữ cho Phật giáo "*hòa quang đồng trần*" nhưng không đánh mất bản sắc siêu nhiên, thoát tục trên phương diện thực tiễn là một bài toán thách thức. Đại sư Thái Hư thường xuyên rơi vào thế tiến thoái lưỡng nan giữa tôn giáo và thế tục. Minh chứng là ngài từng cố gắng đưa Phật giáo can thiệp vào chính trị, nhưng cuối cùng phải chuyển sang chủ trương "*vấn chính nhi bất can trị*" (quan tâm chính trị nhưng không can dự trị vì). Sự thay đổi này cho thấy ngài đã sớm nhận ra xung đột tất yếu giữa thực tiễn chính trị và giáo lý nhà Phật.

Dù được Đại sư Ấn Thuận tôn vinh là tấm gương mẫu mực về hạnh Bồ tát tại nhân gian, các thành tựu xuất thế của Đại sư Thái Hư thực chất lại được kiến tạo từ nền tảng thiền định và kinh giáo truyền thống.

Như lời tự bạch, chính vì "*bi nguyện thái thiết*" (tâm nguyện bi mẫn khẩn thiết), ông chấp nhận rời cõi chân thực để nhập thế, chuyển mình từ một thiền giả thành một hành giả Bồ tát đạo. Sự tỉnh thức tâm linh này đã đặt nền móng vững chắc cho mọi hoạt động hoằng pháp và cải cách sau đó.

Mục tiêu tối hậu của "*Phật giáo Nhân sinh*" là đạt đến trạng thái "*hoà mình cùng dân gian nhưng vẫn thoát tục*", chủ động thích ứng nhằm cảm hóa thế gian. Dù vậy, việc cân bằng giữa xuất thế và nhập thế vẫn luôn là bài toán nan giải đối với các thế hệ kế thừa của phong trào Phật giáo Nhân gian.

Ở một góc nhìn rộng hơn, Đại sư Thái Hư là biểu tượng cho cả một thế hệ tri thức **Trung Hoa** - những người sinh trưởng trong cái nôi văn hóa truyền thống nhưng phải đối mặt với làn sóng áp đảo từ văn minh phương Tây. Sở hữu sự thấu hiểu và gắn kết sâu sắc với cội nguồn dân tộc, họ chủ động tiếp thu tri thức cùng phương pháp nghiên cứu cận đại, song vẫn giữ vững phương thức tư

duy lấy truyền thống làm gốc.

Họ nỗ lực bài trừ các hủ tục, tệ đoan nhằm tái xác lập tính chính danh cho văn hóa Trung Hoa; đồng thời mưu cầu phát huy tinh thần cốt lõi này để cứu vãn những cuộc khủng hoảng toàn cầu do sự bành trướng của văn minh phương Tây. Dù thời đại ấy đã lùi xa, những vấn đề họ đặt ra cho đến nay vẫn là những bài toán mang tính thời đại chưa có lời giải.

Việt dịch: **Thích Vân Phong**

Nguồn: (新禅风)www.xinchanfeng.com